

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 – 5 – 2022

V/v ly hôn H – M

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thế Văn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Phùng

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn số: 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1988 nơi cư trú: Tổ 5, ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc M, sinh năm 1989 nơi cư trú: Số nhà 470, tổ 17, ấp Hưng Thạnh, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

*(Bà H có mặt; ông M có đơn xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo khởi kiện ngày 05/7/2021 và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Bà và ông Phạm Ngọc M qua tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang vào ngày 22 tháng 6 năm 2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bà và ông M xảy ra mâu thuẫn do ông M

thường xuyên cờ bạc dẫn đến gia đình mất hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể duy trì mối quan hệ vợ chồng, đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H xin ly hôn với ông M.

Bà và ông M có 02 con chung tên Phạm Đức M, sinh ngày 03/6/2011 đang sống với ông M và Phạm Anh M, sinh ngày 04/4/2019 sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng mỗi người sẽ tiếp tục nuôi 01 con chung; bà và ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà và ông M không có tài sản chung, nợ chung.

Bản tự khai ngày 29 tháng 3 năm 2022 của bị đơn ông Phạm Ngọc M trình bày: Ông thống nhất với bà H về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung như bà H trình bày. Trong quá trình sống chung đến nay hạnh phúc không còn. Nay bà H xin ly hôn, ông M đồng ý ly hôn. Về con chung thống nhất mỗi người nuôi 01 con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông và bà H không có tài sản chung, nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn cùng cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

[1.2] Ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông M chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2010 do Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng cấp ngày 22/6/2010 nên làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Bà H cho rằng ông M thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho gia đình dẫn đến gia đình mâu thuẫn và không hạnh phúc, bà và ông M đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông M.

Bà H và ông M là vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau cố gắng xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Bà H và ông M có mâu thuẫn về việc ông M đã không

cùng bà H chăm chỉ làm ăn tạo lập của cải cho gia đình mà lại thường xuyên cò bạc, bà và ông M đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Từ đó cho thấy bà H và ông M không còn yêu thương nhau, không còn cùng chí hướng để xây dựng cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà H ly hôn với ông M.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà H và ông M có 02 con chung tên Phạm Đức Minh, sinh ngày 03/6/2011 và Phạm Anh M, sinh ngày 04/4/2019, hiện nay con chung tên Phạm Đức M đang sống với ông M, còn con chung tên Phạm Anh M đang sống với bà H. Ghi nhận ý kiến của bà H và ông M cũng như tạo điều kiện cho bà H, ông M được chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con sau khi vợ chồng ly hôn nên Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Đức M cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Anh M cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, bà H và ông M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên bà H, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Bà H và ông M khai nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H.

Bà Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn ông Phạm Ngọc M

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89/2010 ngày 22/6/2010 do Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng cấp cho bà H và ông M không còn giá trị pháp lý.

Bà H và ông M có 02 con chung tên Phạm Đức M, sinh ngày 03/6/2011 và Phạm Anh M, sinh ngày 04/4/2019. Giao bà H tiếp tục nuôi

đưỡng con chung tên Phạm Anh M, sinh ngày 04/4/2019; giao ông M tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Đức M, sinh ngày 03/6/2011. Bà H, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H, ông M và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho bà H, ông M đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở bà H, ông M thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

Bà H và ông M không có tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết.

Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004139 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông M vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Phú Hưng, huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Thế Văn**